TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 179/2024/QĐST-VHNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Bà Nguyễn Bích Hạnh.**

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Trang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 100/2024/TLST-VHNGĐ ngày 17/04/2024, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn". Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình số 184/QĐST-VHNGĐ ngày 21/06/2024 gồm:

*** Những người yêu cầu sau đây:**

- Ông N K H, sinh ngày 08/07/1971; Căn cước công dân số 001071047927 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/08/2021; Nơi thường trú và hiện ở: Thôn Y L, xã C Y, huyện T T, thành phố Hà Nội. *Ông H có mặt.*

- Bà K T S, sinh ngày 17/10/1975; Chứng minh nhân dân số: ********* do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 27/02/2003; Nơi thường trú: Thôn Y L, xã C Y, huyện T T, thành phố Hà Nội; Hiện ở: Số 1 ngõ 202 Đường A, quận F, thành phố Đ T, Đài Loan. *Bà S có đơn xin vắng mặt.*

Bà K T S ủy quyền cho ông N K H giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai của ông N K H và bà K T S cùng trình bày:

- ***Về tình cảm*:** Ông N K H và bà K T S đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã C Y, huyện T T, tỉnh H T (nay là thành phố Hà Nội) vào

ngày 05/3/1998 (Giấy chứng nhận kết hôn số 03 quyển số 01 đã cải chính tên của người chồng từ N K A thành N K H). Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian với nhau đến năm 2005 thì bà K T S đi Đài Loan sinh sống và làm việc. Từ đó vợ chồng ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Mặt khác, do khoảng cách địa lý xa nhau khiến cho cả hai không còn quan tâm và chia sẻ với nhau. Nay ông bà nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Ông Hvà bà S cùng thống nhất, thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo nơi thường trú của ông bà để giải quyết thủ tục ly hôn.

- Về con chung: Ông Hvà bà S có 03 con chung là anh N K A D, sinh ngày 14/5/1999; anh N K V H1, sinh ngày 20/12/2000; anh N K V H2, sinh ngày 20/12/2000. Do 03 con chung của ông bà đều đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*- **Về tài sản chung, nhà ở chung**:* Ông bà tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Ông bà không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- **Về lệ phí giải quyết ly hôn***: Ông H tự nguyện chịu toàn bộ.

Do điều kiện không thể về Việt Nam giải quyết được, bà S đã có Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho ông N K H giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên họp: Ông N K H có mặt và giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị. Bà K T S có đơn xin giải quyết vắng mặt; Ông H đồng ý nhận sự ủy quyền của bà S là giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Ông H cam kết thông báo và gửi để bà S được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng, việc Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát

nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông N K H và bà K T S có đề nghị công nhận thuận tình ly hôn. Bà K T S hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên theo quy định tại Điều 29 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa ông N K H và bà K T S do cả hai cùng tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C Y, huyện T T, tỉnh H T (nay là thành phố Hà Nội) vào ngày 05/3/1998. Cuộc sống chung vợ chồng sau hôn nhân đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện cả hai vợ chồng cùng xác định không còn tình cảm với nhau nữa nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của vợ chồng ông bà là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về con chung: Ông H và bà S có 03 con chung là anh N K A D, sinh ngày 14/5/1999; anh N K V H1, sinh ngày 20/12/2000; anh N K V H2, sinh ngày 20/12/2000. Do 03 con chung đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Ông N K H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 29; Điểm b khoản 1 Điều 37; Khoản 2 Điều 67; Điều 143, 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. **Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông N K H và bà K T S.**

2. Về con chung: Ông N K H và bà K T S có 03 con chung là anh N K A D, sinh ngày 14/5/1999; anh N K V H1, sinh ngày 20/12/2000; anh N K V H2, sinh ngày 20/12/2000. Do 03 con chung của ông bà đều đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Ông N K H và bà K T S

không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của ông N K H chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0023230 ngày 17/04/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ông H đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 01/07/2024.

Nơi nhận:
- *Người yêu cầu;*
- *VKSND Thành phố Hà Nội;*
- *Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;*
- *Uỷ ban nhân dân xã C Y, huyện T T, thành phố Hà Nội;*
- *Lưu.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Bích Hạnh